

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH
TỈNH TUYÊN QUANG**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ - ST

Ngày 20 – 5 - 2024

“V/v Ly hôn”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nghiêm Đình Long

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thu Đông

Ông Trần Đại Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Thủy, Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 16/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Ma Thị L, sinh năm 1985

Địa chỉ đăng ký thường trú: Thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Chỗ ở hiện tại: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

* Bị đơn: Anh Ma Văn H, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn chị Ma Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ma Văn H đăng ký kết hôn ngày 06/01/2004 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Đến đầu năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Tháng 3 năm 2012 chị đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, đến tháng 2 năm 2024 thì trở về nước. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh H thường xuyên uống rượu say, vợ chồng lại cãi nhau. Anh chị

sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Tháng 3/2024, vợ chồng mâu thuẫn nói nhau nên chị bỏ về nhà bố mẹ để ở cho tới nay, vợ chồng không còn quan tâm, nói chuyện được với nhau. Chị L xác định không còn tình cảm với anh H, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Ma Thị Diệu H1, sinh ngày 29/7/2004 và cháu Ma Việt H2, sinh ngày 18/9/2007. Cháu H1 hiện đã đủ tuổi trưởng thành, chị không đề nghị giải quyết. Chị đề nghị giao cháu H2 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay, nợ chung: Không có nợ chung.

Bị đơn anh Ma Văn H trình bày: Anh và chị L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và không bị ai ép buộc. Cuộc sống hôn nhân trước đây hạnh phúc, đến tháng 02 năm 2012 chị L đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Năm 2017, anh có yêu cầu chị L về nước vì chị L đã đi nước ngoài thời gian dài, không chăm lo được cho gia đình, con cái nhưng chị L không nhất trí, vợ chồng từ lúc này không nói chuyện với nhau nữa. Tháng 02/2024 chị L về nước thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, chị L bỏ về nhà bố mẹ để ở cho đến nay. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2012, hiện mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Tuy nhiên, anh H không nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị L.

- Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Ma Thị Diệu H1, sinh ngày 29/7/2004 và cháu Ma Việt H2, sinh ngày 18/9/2007. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn anh đề nghị giao cháu H2 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh không đề nghị chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay, nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị L vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án chấp nhận. Anh H vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

*** Về tố tụng:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định về quyền nghĩa vụ của bị đơn quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị L được ly hôn với anh Ma Văn H.

- Về con chung: Cháu Ma Thị Diệu H1, sinh ngày 29/7/2004 đã đủ tuổi trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng tự lao động. Chị L không đề nghị giải quyết.

Giao cháu Ma Việt H2, sinh ngày 18/9/2007 cho anh Ma Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có.

- Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Chị L và anh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H theo quy định, nhưng anh H không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị L và anh Ma Văn H đăng ký kết hôn ngày 06/01/2004 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H là hợp pháp.

Chị L và anh H mâu thuẫn với nhau thời gian dài, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung, anh H thường xuyên uống rượu dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, chị L đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài thời gian dài không về. Chị L và anh H sống ly thân từ

tháng 02 năm 2012 cho đến nay. Tháng 02/2024 chị L về nước, vợ chồng lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, mỗi người ở một nơi không ai còn quan tâm đến nhau. Như vậy, xác định tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh H đã trầm trọng không thể hàn gắn và cải thiện được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị L ly hôn với anh H.

- Về con chung: Anh chị có 02 (hai) con chung là cháu Ma Thị Diệu H1, sinh ngày 29/7/2004 và cháu Ma Việt H2, sinh ngày 18/9/2007.

Cháu H1 hiện đã đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động, chị L, anh H không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Chị L không có nguyện vọng nuôi cháu H2, anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2 và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu H2 cũng có nguyện vọng được ở với bố. Vì vậy, cần giao cháu H2 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HDXX không xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị L và anh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị L.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị L được ly hôn với anh Ma Văn H.

[2]. Về con chung:

- Giao cháu Ma Việt H2, sinh ngày 18/9/2007 cho anh Ma Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi.

- Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3]. Về án phí:

- Chị Ma Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0000731 ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Ma Thị L, bị đơn anh Ma Văn H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TQ;
- VKSND huyện Lâm Bình;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Lâm Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã Thổ Bình (để ghi Sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nghiêm Đình Long